

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ CAO LÃNH
TỈNH ĐỒNG THÁP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 10/2023/KDTM-ST

Ngày: 19-12-2023

V/v tranh chấp về hợp đồng mua
bán hàng hóa

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CAO LÃNH, TỈNH ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Châu Nữ Thu Hân.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Phú Hữu.

2. Ông Bùi Văn Dũng.

- Thư ký phiên tòa: Ông Dương Hoàng Vũ - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

Ngày 19 tháng 12 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Cao Lãnh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 18/2023/TLST-KDTM ngày 17 tháng 10 năm 2023 về việc “*Tranh chấp về hợp đồng mua bán hàng hóa*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 425/2023/QĐXXST-KDTM ngày 17 tháng 11 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 311/2023/QĐST-KDTM ngày 05 tháng 12 năm 2023, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Công ty Cổ Phần X;

Địa chỉ: Quốc lộ C, ấp A, xã A, huyện C, tỉnh Đồng Tháp.

Người đại diện theo pháp luật: Bà Nguyễn Mai A, Chức vụ: Giám đốc;

Địa chỉ: Tổ A, Khóm A, Phường B, thành phố C, tỉnh Đồng Tháp.

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Nguyễn Thị Thúy A1, Chức vụ: Kế toán (Văn bản ủy quyền ngày 23/6/2023);

Địa chỉ: Số E, Tổ B, ấp H, xã H, thành phố C, tỉnh Đồng Tháp.

- Bị đơn: Công ty TNHH X1.

Địa chỉ: Số G, Đường số C, Phường E, Quận H, thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Phạm Ngọc T, Chức vụ: Giám đốc;

Địa chỉ: Số A, Tổ A, Ấp D, xã B, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh.

(Bà Thúy A2 có mặt, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn Công ty Cổ phần X có người đại diện hợp pháp là bà Nguyễn Thị Thúy A1 trình bày:

Công ty cổ phần X (gọi tắt là Công ty X) có cung cấp và bơm bê tông tươi cho Công ty TNHH X1 (gọi tắt là Công ty X1) thi công công trình N thuộc địa bàn Phường A, thành phố C, tỉnh Đồng Tháp theo Hợp đồng kinh tế số: 58/2022/HĐKT-MK-PTP ngày 18/05/2022. Công ty X giao hàng tại địa điểm thời gian theo yêu cầu, hai bên xác nhận hàng hóa và tiến hành xuất hóa đơn giá trị gia tăng. Công ty X1 đã tạm ứng 70% giá trị đơn hàng cho Công ty X, 30% còn lại sẽ thanh toán khi nhận đủ hồ sơ.

Từ ngày 08/09/2022 đến ngày 08/11/2022, Công ty X đã bán bê tông và xuất hóa đơn cho Công ty X1 tổng số tiền là 606.260.000 đồng, từ ngày 07/09/2022 đến ngày 03/11/2022, Công ty X1 đã thanh toán số tiền là 560.000.000 đồng, còn nợ lại số tiền 46.260.000 đồng, nhưng đến nay vẫn không thanh toán.

Nay Công ty X yêu cầu Công ty X1 phải trả số tiền còn nợ là 46.260.000 đồng, tiền lãi từ ngày 08/11/2022 đến ngày 23/06/2023 là 2.879.685 đồng (46.260.000 đồng x 0,83%/tháng x 7,5tháng), tổng cộng là 49.139.685 đồng và yêu cầu tiếp tục tính lãi từ ngày 23/06/2023 cho đến khi vụ kiện kết thúc.

Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn thay đổi yêu cầu khởi kiện. Theo đó, nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả số tiền mua hàng còn thiếu là 46.260.000 đồng, không yêu cầu tiền lãi chậm trả trên số tiền hàng còn thiếu cho đến thời điểm có đơn yêu cầu thi hành án mà yêu cầu bị đơn trả lãi kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành xong theo mức lãi suất quy định tại Điều 306 Luật Thương mại.

Bị đơn, Công ty TNHH X1 đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng bị đơn không có văn bản trình bày ý kiến và không cung cấp tài liệu chứng cứ gì liên quan đến vụ án, không tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải và vắng mặt tại phiên tòa đến lần thứ hai không lý do.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Căn cứ theo đơn khởi kiện của Công ty Cổ phần X và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án thể hiện quan hệ tranh chấp giữa các đương sự là tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa. Hợp đồng được thực hiện tại thành phố C và nguyên đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân thành phố Cao Lãnh giải quyết nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp theo quy định tại khoản 1 Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35, điểm g khoản 1 Điều 40 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Tòa án nhân dân thành phố Cao Lãnh đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố

tụng cho bị đơn nhưng bị đơn vắng mặt trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa đến lần thứ hai mà không có lý do nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung yêu cầu khởi kiện: Công ty X yêu cầu Công ty TNHH X1 trả số tiền còn nợ là 46.260.000 đồng và phải trả lãi kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành xong theo mức lãi suất quy định tại Điều 306 Luật Thương mại.

[2.1] Về yêu cầu thanh toán tiền hàng còn thiếu: Xét Hợp đồng kinh tế số 58/2022/HĐKT – MK – PTP ngày 18/5/2022 được ký kết giữa Công ty Cổ phần X và Công ty TNHH X1 thể hiện Công ty X có bán cho Công ty X1 Phát sản phẩm là bê tông thương phẩm mác 150, 300. Tại Điều 4 Hợp đồng này có quy định “bên B (Công ty X1) phải thanh toán 70% giá trị đơn hàng cho bên A, 30% giá trị đơn hàng còn lại bên B thanh toán cho bên A khi cung cấp đủ hồ sơ thanh toán”. Hội đồng xét xử xét thấy, Hợp đồng kinh tế này do các bên tự nguyện xác lập và đủ điều kiện có hiệu lực theo quy định tại Điều 117 của Bộ luật Dân sự, Điều 24 Luật Thương mại năm 2005 sửa đổi, bổ sung năm 2017 và 2019 nên buộc các bên phải thực hiện quyền và nghĩa vụ với nhau. Quá trình thực hiện hợp đồng, Công ty X đã giao hàng cho Công ty X1 và xuất các hóa đơn ngày 16/9/2022, 28/9/2022, 04/10/2022, 05/10/2022, 28/10/2022 và 08/11/2022 với tổng giá trị hàng hóa là 606.260.000 đồng nhưng Công ty X1 chỉ mới thanh toán được tổng số tiền 560.000.000 đồng theo các Lệnh thanh toán ngày 07/9/2022, 12/9/2022, 29/9/2022, 12/10/2022, 24/10/2022, 26/10/2022 và 03/11/2022, còn thiếu số tiền 46.260.000 đồng là chưa thực hiện đầy đủ nghĩa vụ thanh toán theo thỏa thuận tại Hợp đồng đã ký kết. Do đó, Công ty X1 phải có trách nhiệm thanh toán tiền còn thiếu cho Công ty X theo quy định tại Điều 50 của Luật Thương mại năm 2005 sửa đổi, bổ sung năm 2017 và năm 2019 nên yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ chấp nhận.

[2.2] Về tiền lãi chậm thanh toán:

Nguyên đơn không yêu cầu tiền lãi do chậm thanh toán tiền hàng đối với bị đơn từ khi vi phạm nghĩa vụ cho đến thời điểm có đơn yêu cầu thi hành án là hoàn toàn tự nguyện, phù hợp với quy định tại Điều 5, Điều 244 Bộ luật Tố tụng dân sự nên ghi nhận sự tự nguyện này.

Tại phiên tòa, nguyên đơn xác nhận hai bên có thỏa thuận về việc bị đơn phải trả tiền lãi do chậm thanh toán tại Hợp đồng nhưng không thỏa thuận mức lãi suất cụ thể và yêu cầu Tòa án áp dụng lãi suất theo quy định tại Điều 306 Luật Thương mại kể từ khi có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành xong. Hội đồng xét xử xét thấy, yêu cầu này của nguyên đơn là phù hợp với quy định của pháp luật kinh tế, Điều 11 của Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm và Án lệ số 09/2016/AL được Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao thông qua ngày

17 tháng 10 năm 2016 và được công bố theo Quyết định số 698/QĐ-CA ngày 17/10/2016 của Chánh án Tòa án nhân dân tối cao nên chấp nhận.

[3] Về án phí: Do chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn nên bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 1 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35, điểm g khoản 1 Điều 40, khoản 1 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 117 của Bộ luật Dân sự; Điều 24, Điều 50 và Điều 306 của Luật Thương mại năm 2005 sửa đổi, bổ sung năm 2017, 2019; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Điều 11 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm;

Căn cứ Án lệ số 09/2016/AL được Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao thông qua ngày 17 tháng 10 năm 2016 và được công bố theo Quyết định số 698/QĐ-CA ngày 17/10/2016 của Chánh án Tòa án nhân dân tối cao,

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty Cổ phần X.

Buộc Công ty TNHH X1 có trách nhiệm trả cho Công ty Cổ phần X số tiền 46.260.000 đồng.

Ghi nhận sự tự nguyện của Công ty Cổ phần X không yêu cầu tiền lãi do chậm thanh toán tiền hàng đối với Công ty TNHH X1 từ khi vi phạm nghĩa vụ cho đến thời điểm có đơn yêu cầu thi hành án.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong tất cả khoản tiền, người phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi trên số tiền chậm trả theo lãi suất nợ quá hạn trung bình trên thị trường tại thời điểm thanh toán tương ứng với thời gian chậm trả theo quy định tại Điều 306 Luật Thương mại, Điều 11 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm.

2. Án phí dân sự sơ thẩm: Bị đơn phải chịu án phí sơ thẩm về tranh chấp kinh doanh, thương mại là 3.000.000 đồng.

Công ty Cổ phần X không phải chịu án phí sơ thẩm và được nhận tiền tạm ứng án phí là 3.000.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số 0007057 ngày 17/10/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

3. Quyền kháng cáo: Đương sự có mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

4. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKS ND TPCL;
- TAND tỉnh Đồng Tháp;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án. .

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Châu Nữ Thu Hân